

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI





MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính đã kiểm toán

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Số điện thoại : (0251) 383 6130

Tên Tiếng Anh : DONG NAI ROOFSHEET & CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Số fax : (0251) 383 6023

Tên viết tắt : DONAC

Website : www.DONAC.net

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 4703000010 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 ngày 09 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Mã cổ phiếu : DCT

Địa chỉ : KCN Biên Hòa I, đường 4, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sàn giao dịch : UPCOM



272.236.470.000 VNĐ

Vốn điều lệ (tại 31/12/2022)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 272.236.470.000 đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- » Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- » Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- » Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- » Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- » Xây dựng nhà các loại;
- » Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- » Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- » Xây dựng công trình công ích;
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- » Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- » Bán mô tô, xe máy;
- » Bốc xếp hàng hóa;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

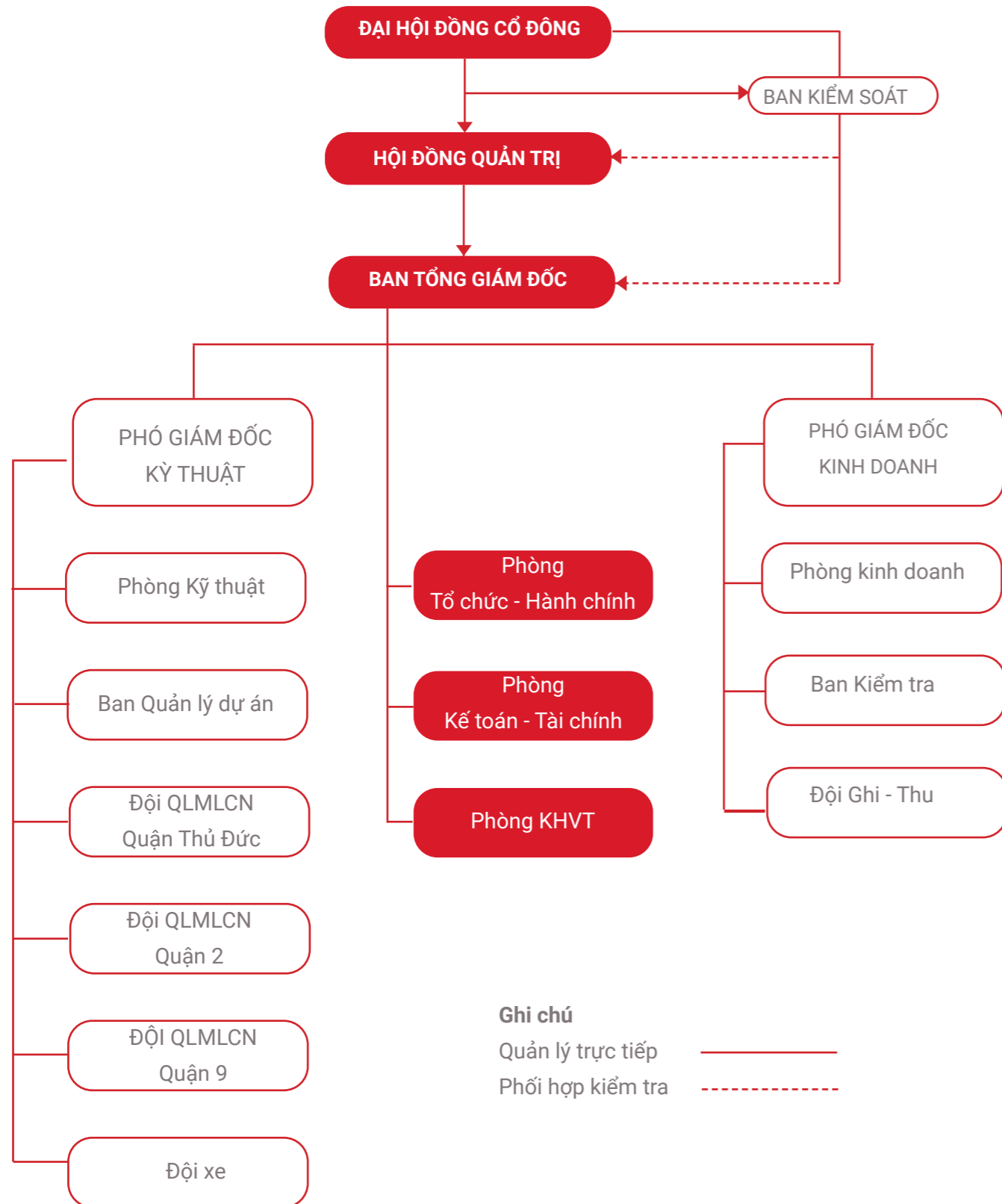
Với các sản phẩm kinh doanh chính của DONAC như tấm lợp, xi măng. Công ty hiện chủ yếu phục vụ nhu cầu của các thị trường khu vực đồng bằng duyên hải miền Trung và Nam Bộ





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không có

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. HCM	2/14 – 2/16 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại Nhơn Trạch, Đồng Nai	KCN Ông Kèo, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu Xây dựng Đồng Nai là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp. DCT luôn đề ra các mục tiêu phát triển cho doanh nghiệp như:

- Đẩy mạnh việc đa dạng hóa nhiều dòng sản phẩm, danh mục sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu thị trường và xã hội, phù hợp với điều kiện môi trường kinh doanh nhằm tạo ra cơ cấu sản phẩm hợp lý và có hiệu quả cho doanh nghiệp.
- Dựa vào thoả ước lao động, đem lại phúc lợi, các chế độ chính sách để người lao động Công ty yên tâm công tác và sản xuất.
- Nâng cao mối quan hệ hợp tác với các nhà phân phối, các đại lý chiến lược nhằm phát triển thương hiệu DONAC.
- Thể hiện tốt hơn trách nhiệm đối với khách hàng, người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm, cung cấp dịch vụ,...
- Hướng đến mục tiêu duy trì mối quan hệ tốt với lượng khách hàng hiện tại, thu hút khách hàng tiềm năng và giải quyết những khó khăn đang gặp phải.
- Hướng đến cộng đồng bằng các hoạt động thiết thực với khẩu hiệu chung tay xây dựng cộng đồng vì ngày mai phát triển.

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Để doanh nghiệp có thể giải quyết những khó khăn đang gặp phải. Hội đồng quản trị DONAC đã đề ra những chiến lược rõ ràng, cụ thể về trung và dài hạn như sau:

- Xây dựng chiến lược thu mua, dự trữ nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhằm hạn chế tối đa chi phí phát sinh.
- Cơ cấu nguồn vốn, nỗ lực hạ tỉ trọng khoản nợ vay ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro thanh khoản cho doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Đồng thời, tích cực xây dựng thương hiệu và thâm nhập vào các phân khúc mới bằng các biện pháp tiến hành nghiên cứu thị trường.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng: Công ty có chính sách khen thưởng phù hợp cho nhân viên đạt thành tích xuất sắc hàng năm nhằm khích lệ nhân viên cố gắng hơn và đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Thường xuyên phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DCT như tác động đến từ kinh tế-xã hội, chính trị, pháp luật, thị trường tài chính-tiền tệ.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ngoài những mục tiêu để doanh nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chú trọng đến vấn đề trách nhiệm đối với môi trường và an sinh xã hội như:

- Đối với môi trường: Ngay từ những ngày đầu khi mới thành lập, Công ty đã đặt yếu tố bảo vệ môi trường lên hàng đầu. DCT thực hiện trang bị đầy đủ các thiết bị xử lý chất thải nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường. Đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh luôn được tuân thủ theo các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường và quy định về tỷ lệ khí thải.
- Đối với xã hội: Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của chính quyền địa phương như hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học vùng sâu vùng xa, đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương,...





CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Trải qua năm 2022, nền kinh tế Việt Nam cũng như nhiều nền kinh tế lớn khác trên Thế giới gặp phải nhiều khó khăn. Mặc dù GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02% trong năm 2022, nhưng nền kinh tế Việt Nam đã chịu sự ảnh hưởng nặng nề từ các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga,... Trong năm 2022, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã điều chỉnh lãi suất tổng 7 lần, nâng biên độ lãi suất cho vay cơ bản lên 4,25% tới 4,5%, mức cao nhất trong vòng 15 năm qua. Việc Mỹ liên tục tăng lãi suất đã dẫn đến đồng nội tệ bị mất giá, tỷ giá VND/USD liên tục tăng. NHNN phải

điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản để kiềm chế lạm phát cũng như hạn chế đồng nội tệ bị mất giá. DCT cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, do khoản nợ vay chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong cơ cấu nguồn vốn. Năm bắt được khó khăn nền kinh tế vĩ mô, Ban lãnh đạo DONAC đã lên kế hoạch và có chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm xi măng, tấm lợp. Đây là những sản phẩm phụ trợ cho ngành Xây dựng. Chính vì thế, hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC phụ thuộc hầu hết vào sự biến động của ngành này. Năm 2022 ngành xây dựng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: biến động giá cả vật liệu quá lớn; thủ tục pháp lý phức tạp, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, chuỗi cung ứng bị gián đoạn dẫn đến thị trường đầu ra ngưng trệ, tỷ giá gia tăng, trong khi nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm... Trong tương lai, lĩnh

vực xây dựng được dự báo sẽ vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn. DONAC đang nỗ lực thích nghi với điều kiện mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm cơ hội để bứt tốc trong năm 2023. DCT và nhiều doanh nghiệp khác đã thay đổi góc nhìn tìm ra hướng đi mới như: chuyển đổi mô hình hoặc tái cơ cấu mô hình hoạt động, tổ chức lại sản xuất, cắt giảm nhân sự, áp dụng công nghệ, robot, dữ liệu, các thiết bị thông minh vào sản xuất và thi công...

RỦI RO PHÁP LUẬT

DONAC hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom. Công ty cần tuân theo những quy định về luật như luật doanh nghiệp, chứng khoán,... Khi văn bản các luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ý thức được tầm quan trọng liên quan đến pháp lý, DONAC luôn chủ động nắm bắt tình hình thay đổi các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Các cốt liệu thông dụng để chế tạo sản phẩm xi măng bao gồm đá vôi, vỏ sò, đá phấn hoặc đá cẩm thạch cùng với đá phiến sét, đá phiến, cát silica và quặng sắt. Năm 2022 giá cả nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất xi măng tăng cao, biến động mạnh từ giá nguyên vật liệu đầu vào đã gây ra ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận gộp của DONAC. Để hạn chế biến động từ giá nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn chủ động cập nhật thông tin về giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp truyền thống lớn và so sánh giá chào của nhiều nhà cung ứng để mua được những nguyên vật liệu với giá thành hợp lý.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro kể trên, một số rủi ro thiên tai có thể dự báo như: bão, lũ lụt,.. nếu xảy ra phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC. Hay những rủi ro tiềm ẩn như: chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh,.. Những rủi ro tiềm ẩn này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại có thể gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tổn thất kết hợp mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tối đa về thiệt hại.

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

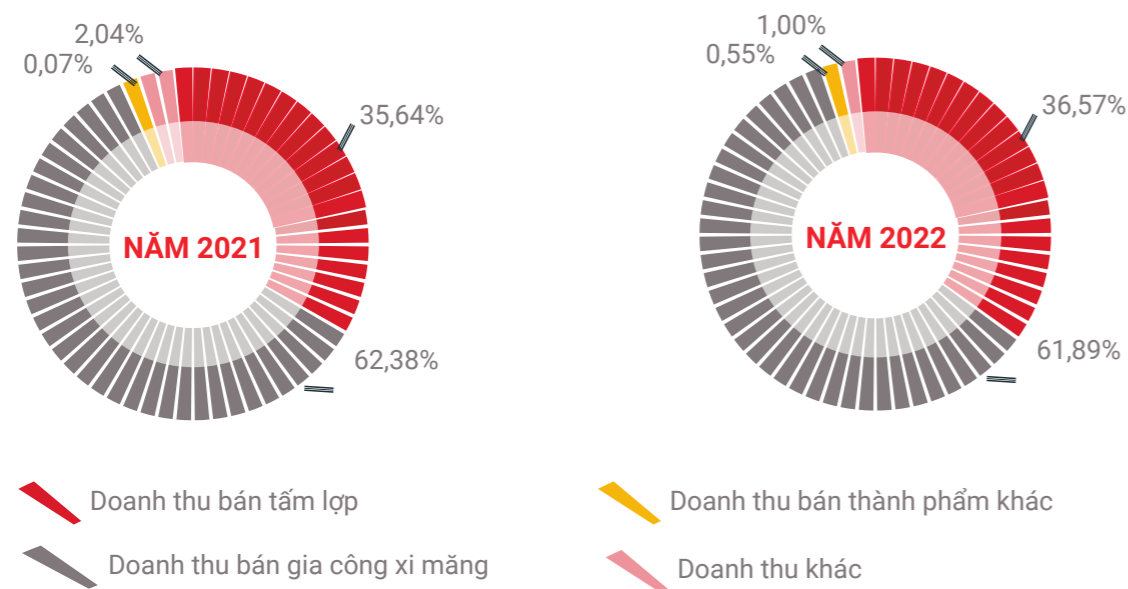
Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
1	Doanh thu bán tấm lợp	68.531	71.694	4,62%	35,64%	36,57%
2	Doanh thu gia công xi măng	119.708	121.339	1,36%	62,25%	61,89%
3	Doanh thu bán thành phẩm khác	139	1.077	674,82%	0,07%	0,55%
4	Doanh thu khác	3.929	1.951	-50,34%	2,04%	1,00%
Tổng cộng		192.308	196.062	1,95%	100%	100%

Sau đại dịch Covid-19, thị trường kinh tế thế giới và Việt Nam đã đối mặt với một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, đặc biệt là trong ngành xây dựng và bất động sản. Sự phát triển của lĩnh vực xây dựng đã thúc đẩy sự phát triển của các công ty trong các ngành phụ trợ, bao gồm sản xuất vật liệu xây dựng và ngược lại.

Tuy nhiên, vào cuối năm 2022, Công ty DONAC đã duy trì được cơ cấu doanh thu của mình, không có sự thay đổi quá lớn và có sự khởi sắc. Điều này cho thấy nỗ lực của Ban lãnh đạo trong việc đưa công ty vượt qua những khó khăn của thị trường cũng như những khó khăn nội tại của DONAC.

Cụ thể, doanh thu từ hai mảng kinh doanh chính của công ty là bán tấm lợp và gia công xi măng đều có sự tăng trưởng. Doanh thu từ bán tấm lợp đạt 71.694 triệu đồng vào năm 2022, tăng 4,62% so với năm 2021. Trong khi đó, doanh thu từ gia công xi măng đạt 121.339 triệu đồng vào năm 2022, tăng 1,36% so với năm 2021.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Lê Thân	Tổng Giám đốc	27/04/2019
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	12/11/2019
3	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	15/01/2019
4	Lê Chung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01/05/2022
5	Lê Thị Thắm	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng	01/04/2020



ÔNG LÊ THÂN - TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1977
Quốc tịch: Việt Nam
Nguyên quán: Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam
Nơi sinh: Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 Giám đốc Công ty TNHH TM và DVKT Tối Ưu
Đại diện phần vốn: không có

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
2001-2005	Phòng kỹ thuật Công ty CP Vicem Hải Vân
2005-2009	Trưởng phòng điều khiển trung tâm Công ty Cổ Phần Xi măng Sông Gianh
2009-Nay	Giám đốc Công ty TNHH TM và DVKT Tối Ưu
2015-2016	Trưởng ban quản lý dự án dây chuyền 2 xi măng Công Thanh
2017-2019	Giám đốc Chi nhánh Nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch
2019 -2023	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tấm Lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai Giám đốc Chi nhánh Nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch



ÔNG NGUYỄN VĂN QUÝ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1971
Quốc tịch: Việt Nam
Nguyên quán: Vĩnh Phúc
Nơi sinh: Đồng Nai
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có
Đại diện phần vốn: không có

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
2012-2016	Phòng kỹ thuật Công ty CP Vicem Hải Vân
2017-Tháng10/2019	Giám đốc Chi nhánh Nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch
Tháng11/2019-Nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần - Tấm Lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai



BÀ TRẦN THỊ MỘNG THU - PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Sinh năm: 1986
Quốc tịch: Việt Nam
Nguyên quán: Thái Bình
Nơi sinh: Biên Hòa - Đồng Nai
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có
Đại diện phần vốn: không có

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
2014-Nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Tấm Lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG LÊ TRUNG CHÍNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Nguyên quán: Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định

Nơi sinh: Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá Silicat

Chức vụ năm giữ tại tổ chức khác: không có

Đại diện phần vốn: không có

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1995 – 2000	Trưởng phòng Kỹ thuật KSC CTCP Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai
2000 – 2015	Phó Tổng Giám đốc CTCP Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai
2006 – 2015	Phó Tổng Giám Đốc Xi Măng Công Thanh
2016 – 2021	Tổng Giám Đốc CTCP Đồng Tâm – Hậu Giang
2022 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấm Lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai



BÀ LÊ THỊ THẮM - PHÓ GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Sinh năm: 1986

Quốc tịch: Việt Nam

Nguyên quán: Thái Hòa, Triệu Sơn, Thanh Hóa

Nơi sinh: Thái Hòa, Triệu Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa silicat

Chức vụ năm giữ tại tổ chức khác: không có

Đại diện phần vốn: không có

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
2009 - 2010	Nhân viên phòng thí nghiệm xi măng Fico hiệp phước
2010 - 2011	Giám sát chất lượng công ty cổ phần xi măng công thanh
2011 - 2015	Phó phòng quản lý chất lượng nhà máy xi măng công thanh Nhơn Trạch
2016 - 2018	Phó giám đốc chất lượng nhà máy xi măng công thanh Nhơn Trạch
2018 - 2019	Phó giám đốc chất lượng kiểm trưởng bộ phận tổ chức hành chính
2020 - Nay	Phó Giám đốc quản lý chất lượng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Ngày 01/05/2022 DONAC bổ nhiệm Ông Lê Trung Chính giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tấm lợp.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, DONAC không có sự thay đổi trong Ban điều hành

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (Tính đến 31/12/2022)

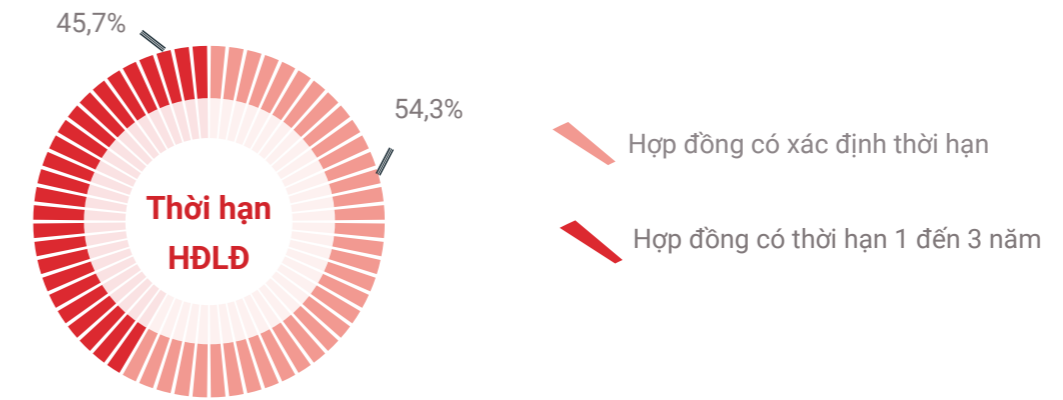
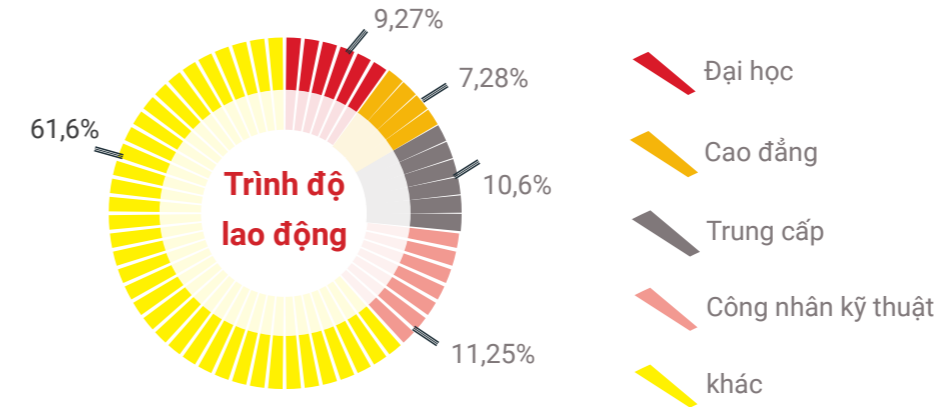
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
-----	---------------------	------------------	-------

A. Theo trình độ

1	Đại học	14	9,27%
2	Cao đẳng	11	7,28%
3	Trung cấp	16	10,6%
4	Công nhân kỹ thuật	17	11,25%
5	Khác	93	61,6%

B. Theo thời hạn Hợp đồng lao động

1	Hợp đồng có xác định thời hạn	82	54,3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	69	45,7%
Tổng Cộng		151	100%



STT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	130	122	112	149
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.936.077	6.992.541	6.512.621	7.437.229



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

DCT đặc biệt coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Công ty cho rằng đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho nguồn vốn con người của tổ chức mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho đội ngũ CBCNV. Trong năm, các hoạt động đào tạo không chỉ hướng đến nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, mà còn mang tới cho CBCNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc.

Điều kiện và chế độ làm việc

Với phương châm “an toàn là trên hết”, Ban lãnh đạo đã tham mưu và phối hợp với các trưởng bộ phận của Công ty để triển khai lắp đặt trang thiết bị tại văn phòng làm việc, nhà xưởng và cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ cho người lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động. Công ty nghiêm túc chấp hành theo các quy định của Luật lao động: làm việc 8 giờ/ngày; thời gian giải lao hợp lý; thời gian nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản được bố trí theo quy định của pháp luật.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

DCT thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên, đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cán bộ công nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo Bộ Luật lao động Việt Nam: Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp,... và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại bệnh viện uy tín nhằm bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2022 DONAC không thực hiện đầu tư và tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình là sản xuất Xi măng và tấm lợp.



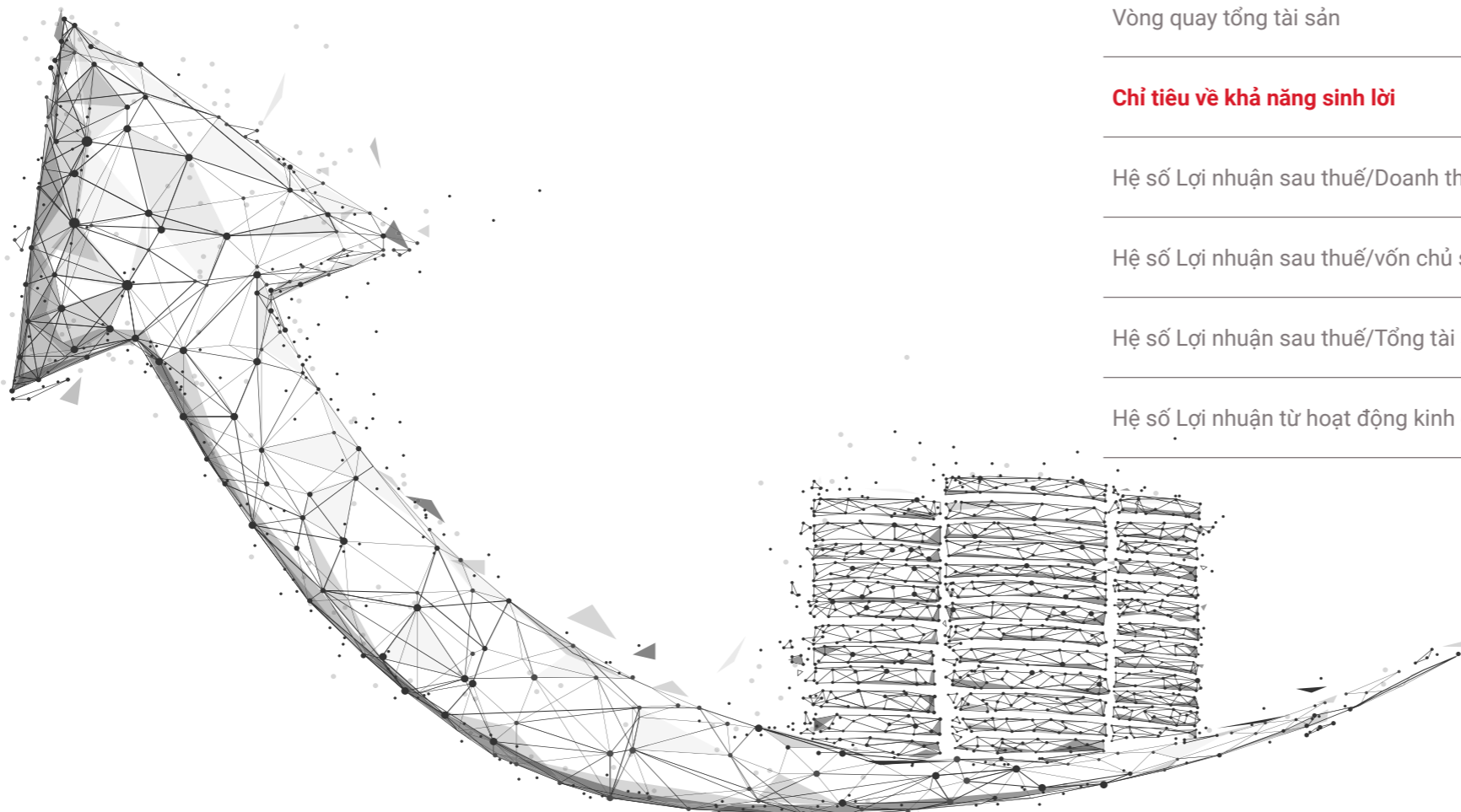


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Doanh thu thuần	187.337	191.702	2,33%
2	Giá vốn hàng bán	160.767	186.542	16,03%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	11	9	-18,18%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(46.079)	(75.549)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(46.037)	(77.594)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(46.037)	(77.594)	-

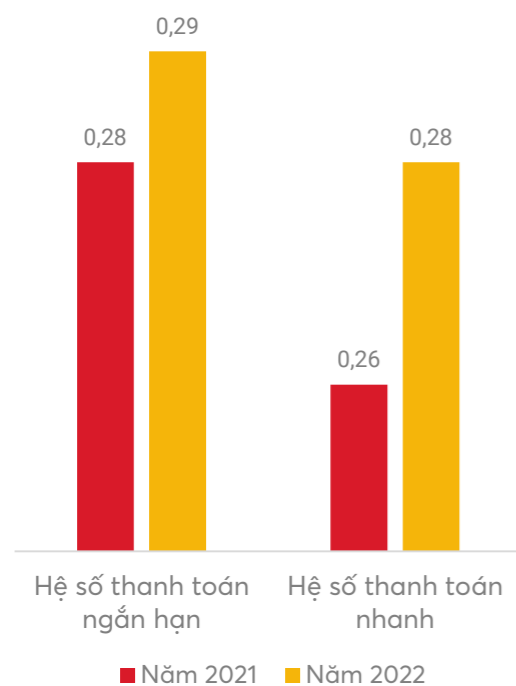
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,28	0,29
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,26	0,28
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	131,48%	141,44%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	-	-
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,45	10,38
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,25	0,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

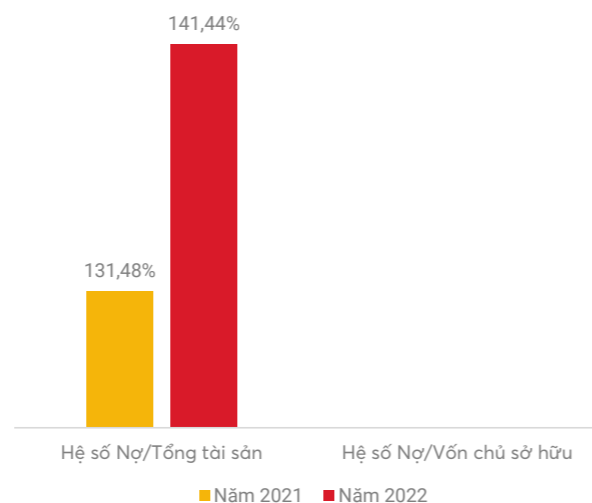


Các chỉ số liên quan đến khả năng thanh toán của DONAC trong năm 2022 có sự biến động nhẹ so với năm 2021. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của DONAC lần lượt đạt mức 0,29 lần và 0,28 lần trong năm 2022. Giá trị tài sản ngắn hạn của DONAC tăng 15,36% so với năm 2021, đạt mức 314.103 triệu đồng trong năm 2022. Sự tăng này chủ yếu đến từ việc trích lập dự phòng cho các khoản nợ quá hạn hiện có của các khách hàng là đối tác lâu năm, do khó khăn về dòng tiền. Đồng thời, DONAC hạn chế trong dự trữ lượng tồn kho dẫn đến giá trị hàng tồn kho ở thời điểm 31/12/2022 đạt mức 14.853 triệu đồng, giảm 29,62% so với năm 2021. Giá trị nợ ngắn hạn

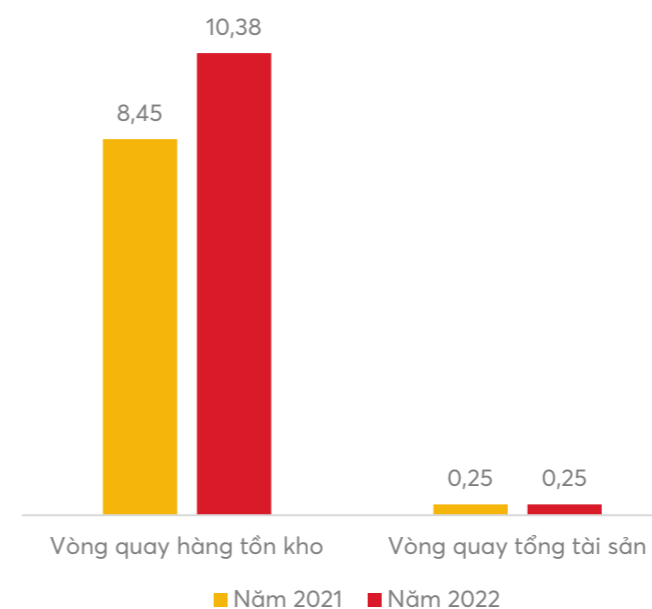
cũng tăng 8,21% lên mức 1.083 triệu đồng do phát sinh các khoản phải trả ngắn hạn. Ngoài ra, hệ số thanh toán nhanh cũng biến động nhẹ do giá trị hàng tồn kho giảm 29,62% so với năm 2021.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2021, hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty tăng từ 131,48% lên 141,44%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc khấu hao tài sản cố định đồng thời DONAC chưa thể tất toán được các khoản nợ đã vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TP.HCM Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

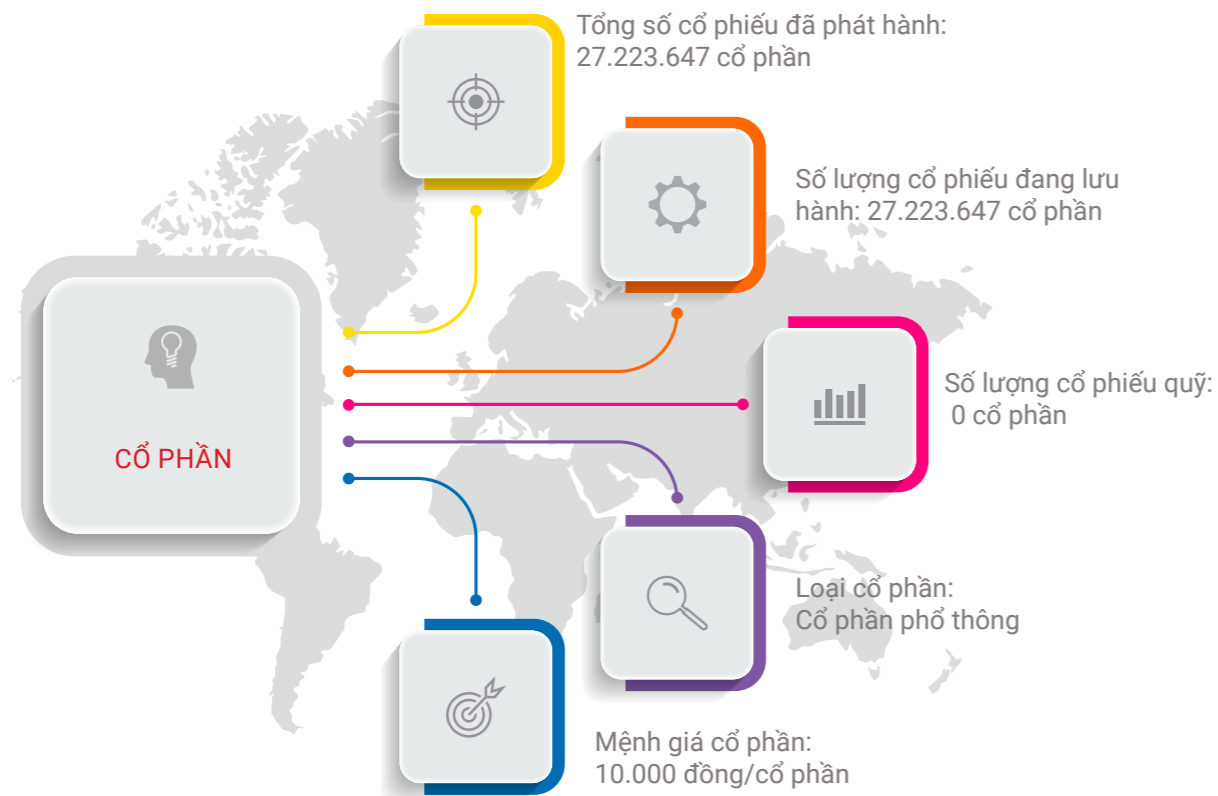


Vòng qua hàng tồn kho của DONAC tăng từ 8,45 vòng lên 10,38 vòng, cho thấy sự khởi sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường khó khăn đã khiến cho giá vốn hàng bán tăng khá nhiều, ở mức 186.541 triệu đồng và tăng 16,03% so với năm 2021 và Công ty dùng hàng tồn kho tồn trữ để phục vụ các đơn hàng của mình. Điều này khiến cho hoạt động của DONAC thêm phần khó khăn và thử thách trong thời gian tới.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	27.108.243	271.082.430.000	99,58%
1	Cổ đông Nhà nước	3.402.366	34.023.660.000	12,5%
2	Cá nhân	23.656.779	236.567.790.000	86,90%
3	Tổ chức	49.098	490.980.000	0,18%
II	Cổ đông nước ngoài	115.404	1.154.040.000	0,42%
1	Cá nhân	110.239	1.102.390.000	0,07%
2	Tổ chức	5.165	51.650.000	0,02%
	Tổng cộng	27.223.647	272.236.470.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Công Lý	2 Đình Bộ Lĩnh, P2, Bình Thạnh, HCM	5.720.000	21,01%
2	Nguyễn Thị Mai Thảo	2/14-16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, TP HCM	2.800.000	10,29%
3	Nguyễn Đoàn Mạnh	50 đường số 43, P. Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	3.714.860	13,66%
4	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	3.402.366	12,50%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Tấm lợp – Vật liệu xây dựng Đồng Nai không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng /giảm (đồng)	Hình thức tăng giảm vốn
Năm 2006	120.973.460.000	120.973.460.000	Thành lập doanh nghiệp
Năm 2007	60.486.730.000	181.460.190.000	Phát hành thêm cổ phiếu
Năm 2008	30.790.000	181.490.980.000	Phát hành thêm cổ phiếu
Năm 2010	90.745.490.000	272,236,470,000	Phát hành thêm cổ phiếu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tính đến nay, Công ty hiện không sở hữu cổ phiếu quỹ, nên không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào trên thị trường.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

• Trực tiếp:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính DCT đến từ sản xuất xi măng, tấm lợp. Sản xuất xi măng là một trong những ngành có nguy cơ gây ô nhiễm cao nhất, nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm đến từ bụi phát sinh từ quá trình nung, nghiền xi măng. Nhận thức được mối nguy hại này, nên trong quy trình sản xuất đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống lọc bụi, xử lý khí thải nhằm giảm thiểu tối đa tác nhân gây hại ra môi trường bên ngoài, góp phần bảo vệ môi trường sống trong lành.

• Gián tiếp:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến tổng phát thải khí nhà kính. Bên cạnh đó, nguồn năng lượng phục vụ quá trình sản xuất và duy trì công việc tại văn phòng như: điện năng, nước, xăng, dầu,.. cũng tác động nhất định đến môi trường, gây ảnh hưởng đến hiệu ứng nhà kính. Nhận thấy được mức độ nghiêm trọng, toàn thể CBCNV luôn chủ động thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng để bảo vệ môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Phần lớn hoạt động sản xuất có được thực hiện liên tục, trơn tru theo đúng kế hoạch của DONAC hay không một phần nhờ vào nguồn nguyên liệu đầu vào. Do vậy, Ban lãnh đạo luôn chú trọng công tác kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu này dựa trên 2 yếu tố giá cả và chất lượng. Quản lý nguyên vật liệu hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, nâng cao được chất lượng sản phẩm. Từ đó, đem lại kết quả kinh doanh hiệu quả.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

DONAC hoạt động chủ yếu theo mô hình doanh nghiệp sản xuất, nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu như: điện năng, nước, xăng, dầu,.. Ban lãnh đạo đang từng bước thực hiện công nghệ hóa trong quá trình sản xuất, góp phần tiêu thụ nguồn năng lượng hiệu quả và hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường thải ra bên ngoài và khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và hiệu quả.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thấy được tầm quan trọng của mình trong công tác bảo vệ môi trường, DCT đã thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể như:

- Tiêu chuẩn hoá quy trình sản xuất xi măng, tấm lợp, úp nóc, tôn sóng. Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, khí thải để giảm thiểu tối đa các tác nhân gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường sống;
- Tuân thủ các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2022 duy trì ở mức 19 người với mức lương trung bình đạt 7,4 triệu đồng/tháng.

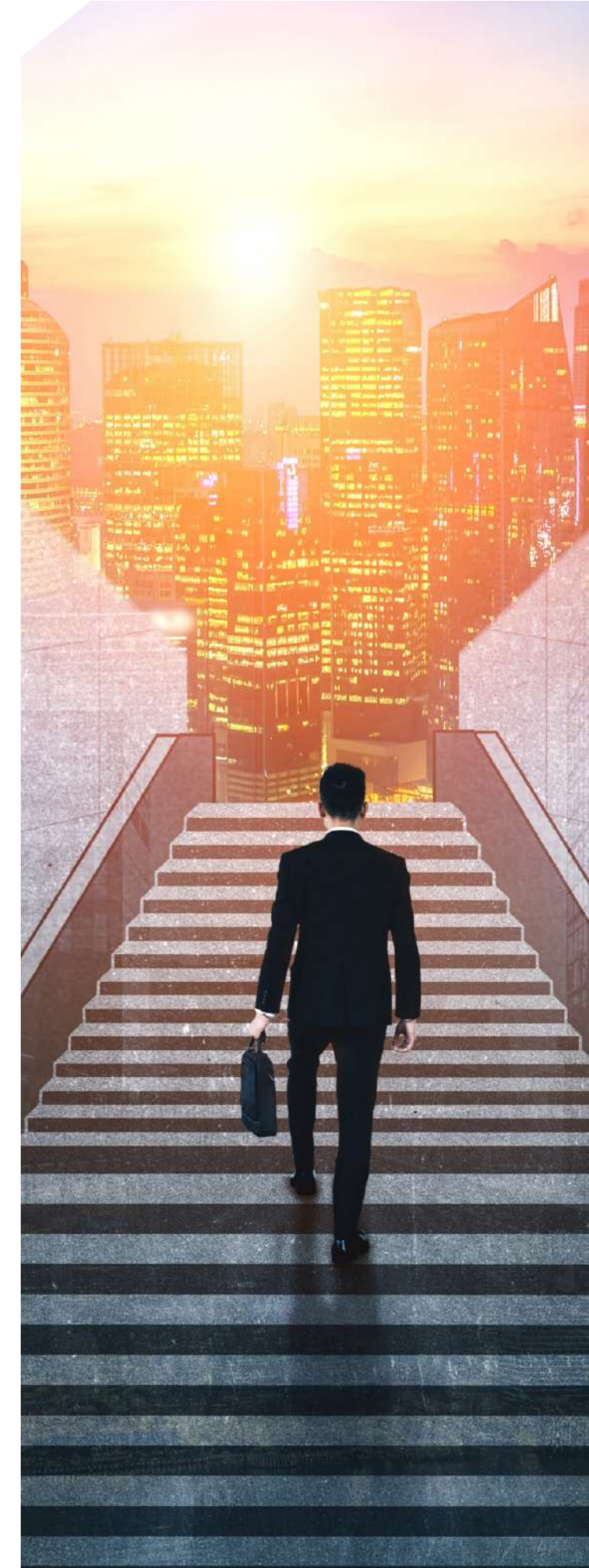
DONAC đã và đang tạo được việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của mình, đồng thời tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động cũng như luôn đảm bảo duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm cho người lao động trong Công ty. Kết quả đạt được thể hiện rõ trong những năm gần đây như: thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, từ đó tinh thần gắn bó của họ với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tích cực trong các hoạt động phong trào tại địa phương như: ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, xây dựng các quỹ khuyến học, ủng hộ kinh phí xây trường học cho các xã nghèo vùng sâu vùng xa, thăm hỏi và giúp đỡ các cán bộ nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn.....Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, không gây hại đến sức khỏe và tính mạng cho người lao động, đối tác, khách hàng và cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, DONAC rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, với bối cảnh nền kinh tế Việt Nam nói chung và công tác sản xuất, kinh doanh tấm lợp nói riêng còn gặp rất nhiều khó khăn. Được sự quan tâm và hỗ trợ kịp thời của Ban lãnh đạo và các cổ đông lớn trong việc điều chỉnh phương án sản xuất kinh doanh và cân đối tài chính, hoạt động của công ty trong năm 2022 mặc dù không đem lại lợi nhuận, nhưng đây là bước đà để DONAC từng bước vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển. Cùng nhìn lại năm 2022, Công ty có được một số thuận lợi và gặp các khó khăn như sau:



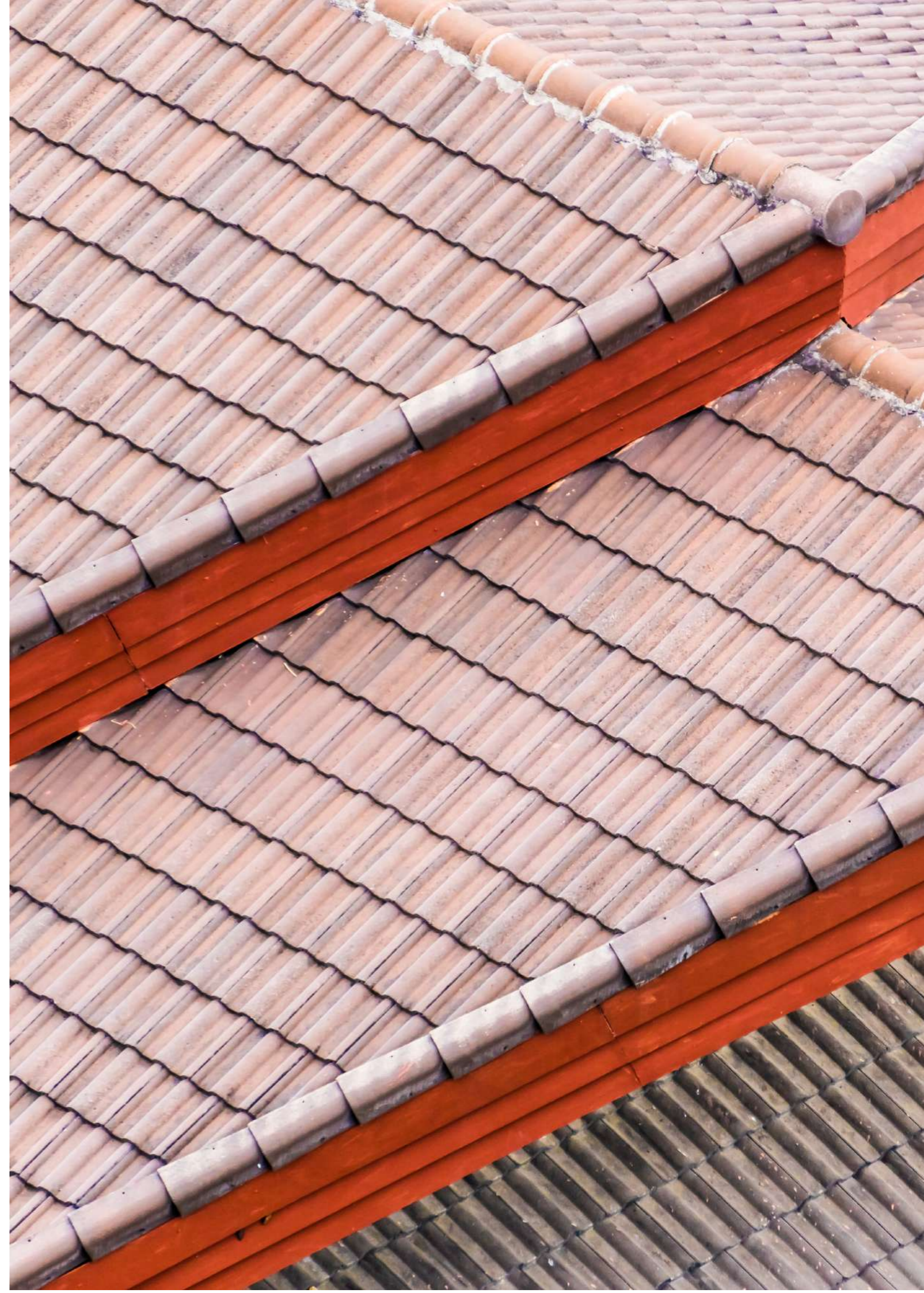
THUẬN LỢI

- » Được sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của các tổ chức có liên quan và Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào được khởi sắc đặc biệt trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị của Chính Phủ
- » Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ;
- » Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh có tính cạnh tranh cao;
- » Nhận được sự tin tưởng và ủng hộ từ các cổ đông, các đối tác, khách hàng các Cơ quan quản lý Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương.



KHÓ KHĂN

- » Do chiến tranh Ukraine – Nga khiến cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tình hình kinh tế thế giới gặp khó khăn, lạm phát tăng cao. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên thế giới và Việt Nam trở nên khó khăn hơn
- » Sản phẩm chính của DONAC là tấm lợp, xi măng và vật liệu xây dựng, đây là ngành phụ trợ của ngành xây dựng. Ngành xây dựng gặp khó khăn về việc cấp phép cũng như các quy định thay đổi khiến cho ngành bị đình trệ trong năm vừa qua.





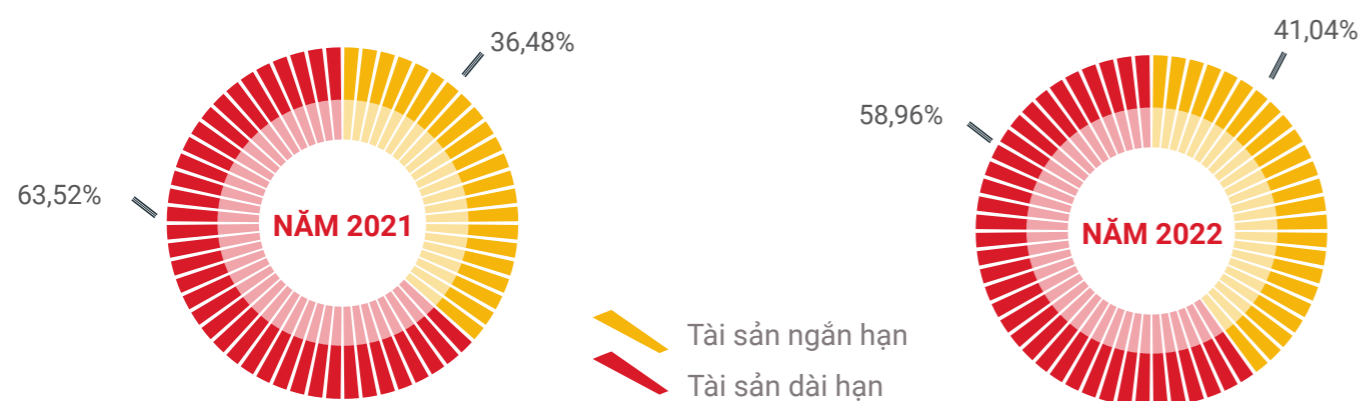
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	277.614	314.104	113,14%	36,48%	41,04%
Tài sản dài hạn	483.294	451.268	93,37%	63,52%	58,96%
Tổng tài sản	760.908	765.372	100,59%	100,00%	100,00%

Cơ cấu tài sản của DONAC có sự biến động nhẹ, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng 41,04% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc trích lập các khoản nợ quá hạn của phía đối tác chưa tất toán ở mức 592 triệu đồng, giá trị tiền và các khoản tương đương tiền ở mức 2.075 triệu đồng và giảm 62,94% so với năm 2021. Đồng thời, việc khấu hao máy móc, nhà xưởng của Công ty trong năm qua khiến cho tài sản dài hạn của Công ty giảm.



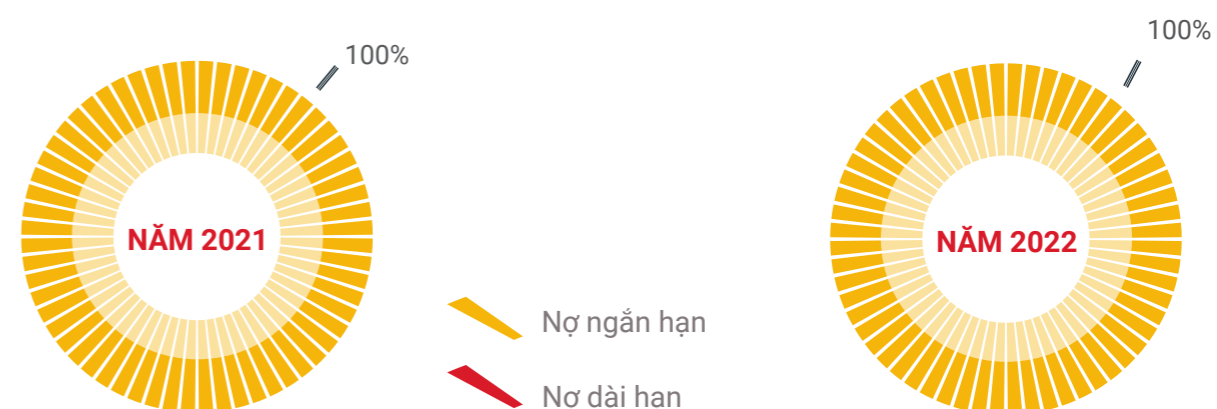
Biểu đồ thể hiện cơ cấu tổng tài sản của DONAC năm 2021 & 2022

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	1.000.417	1.082.525	1,08%	100%	100%
Nợ dài hạn	49	0	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.000.466	1.082.525	1,08%	100%	100%

Đối mặt với khó khăn chung của nền kinh tế, DONAC đang trong tình trạng khó khăn về tài chính, khiến Công ty chưa thực hiện quyết toán các khoản nợ vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh TP.HCM dẫn đến các khoản nợ này quá hạn. Tuy nhiên, Công ty đã thanh toán 49 tỷ đồng khoản phải trả dài hạn khác.



Biểu đồ thể hiện cơ cấu nợ phải trả của DONAC năm 2021 & 2022



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trải qua nền kinh tế năm 2022 nhiều biến động, Ban lãnh đạo DONAC đã kịp thời ứng phó với khó khăn nền kinh tế vĩ mô. Hội đồng quản trị nỗ lực thực hiện mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông bằng những giải pháp cải tiến như:

- DONAC quyết liệt từng bước giảm tỉ trọng cơ cấu nợ ngắn hạn, giảm thiểu rủi ro mất khả năng thanh toán đang tiềm ẩn.
- Đa dạng hóa thêm nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, cần chú trọng nhiều vào chất lượng sản phẩm, tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính và những ngành nghề kinh doanh có lợi thế.
- Sử dụng nguồn vốn hợp lý và hiệu quả, ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tính kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao hiệu quả công việc.
- Nhân lực là yếu tố then chốt trong sự phát triển của doanh nghiệp. DONAC thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ nhân viên, nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo và tư duy của từng cá nhân.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
Sản xuất			
- Tấm lợp	m ²	1.847.656,56	2.145.820
- Xi măng	Tấn	440.587,07	554.400
Tiêu thụ			
- Tấm lợp	m ²	1.953.072,83	2.000.000
- Xi măng	Tấn	440.587,07	554.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	191.702	236.782
EBITDA	Tỷ đồng	28.427	54.000
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(77.158)	(50.135)



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Căn cứ vào ý kiến kiểm toán Từ chối ra ý kiến trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán do Công ty bị âm vốn chủ sở hữu dẫn đến ảnh hưởng đến giả định hoạt động liên tục trong việc lập Báo cáo tài chính ("BCTC"), tại thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

VII.3 Thông tin về hoạt động liên tục

"Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng sẽ được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cơ cấu lại nợ và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ và của Công ty trong thời gian nắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục"

Ban Tổng Giám đốc xin giải trình như sau:

Công ty hoạt động kinh doanh chưa có lãi do đang phải chịu chi phí lãi vay cao, trong Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty vẫn đạt Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 5,1 tỷ (kỳ trước năm 2021 là 26,5 tỷ), tuy nhiên chi phí lãi vay là 73,4 tỷ (kỳ trước năm 2021 là 66,4 tỷ) dẫn đến việc kết quả kinh doanh bị lỗ. Nếu khoản vay này có thể cơ cấu lại, Công ty vẫn có thể duy trì hoạt động kinh doanh có lãi để bù đắp vào các khoản lỗ trước đó, khắc phục việc âm vốn chủ sở hữu đồng thời phù hợp với giả định hoạt động liên tục trong việc lập BCTC.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành thúc đẩy các biện pháp khắc phục như sau:

- Đàm phán và thương lượng với phía Ngân hàng trong việc cơ cấu lại lịch các khoản vay nợ dài hạn.
- Thúc đẩy nhiều hơn số lượng đơn hàng gia công xi măng từ các đơn vị đối tác, việc mở cửa sau dịch với cửa ngõ Trung Quốc và thế giới sau dịch, đồng thời nhu cầu đầu tư Công ty Việt Nam cũng tăng, Công ty kỳ vọng doanh thu từ hoạt động gia công xi măng trong giai đoạn tới.
- Giảm thiểu tối đa chi phí hoạt động và dự phòng, tập trung cho các bộ phận sản xuất duy trì hệ thống máy móc ổn định và tăng cường sản xuất, gia công.
- Tiếp tục duy trì và tìm kiếm mới các đối tác tấm lợp, vì hoạt động này vẫn đem lại lợi nhuận tốt cho Công ty



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG

Do tác động tiêu cực từ con người, Việt Nam và trên Thế giới hiện nay đang phải đương đầu với vấn đề ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Môi trường ô nhiễm gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân như xảy ra tình trạng biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sinh hoạt, đe dọa đến sức khỏe con người,... Hiểu được vấn đề này, Công ty cam kết thực hiện các chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, xử lý khí thải theo đúng quy định. Bên cạnh đó, DONAC luôn đi đầu trong các phong trào bảo vệ môi trường và xã hội tại địa phương như thu gom, phân loại, xử lý rác thải, xử lý các điểm tập kết rác tự phát; vận động nhân dân địa phương tham gia xây dựng các công trình nước sạch vệ sinh môi trường...

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, chính vì thế Công ty luôn hướng đến một chính sách đãi ngộ tốt nhất để đảm bảo người lao động có thể an tâm tập trung phát triển sự nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chăm lo và quan tâm tới đời sống của người lao động; tổ chức các đợt tham quan, du lịch để người lao động được thư giãn tái tạo sức lao động, tạo không khí vui vẻ và tăng sự gắn kết giữa các nhân viên.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Công ty thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương tại địa bàn kinh doanh. Công ty luôn cam kết đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương bằng cách tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động ở địa bàn hoạt động và các địa phương lân cận. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia nhiều hoạt động từ thiện như: ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, xây dựng các quỹ khuyến học,.. và hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.



4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 là một năm nền kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, suy thoái nặng nề, DONAC cũng như nhiều doanh nghiệp khác bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hội đồng quản trị cùng toàn thể CBCNV đã nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra tuy nhiên vẫn chưa đạt được. Bên cạnh đó, DCT đã nghiêm túc thực hiện các quy định về Luật môi trường, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không tác động tiêu cực đến môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện triển khai kịp thời và có hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông, thường xuyên báo cáo, trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của công ty, hướng hoạt động Công ty phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, của đối tác và của người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đưa ra chiến lược định hướng doanh nghiệp thực hiện theo những mục tiêu và kế hoạch đã được đề ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Về sản phẩm: tiếp tục phát triển dòng sản phẩm hiện có của DONAC, phù hợp với mọi đối tượng khách hàng. Tiếp tục thực hiện gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh để bù đắp lỗ hiện tại.
- Về khoa học – công nghệ: đổi mới và ứng dụng các công nghệ kĩ thuật tiên tiến vào quá trình sản xuất, nhằm tối ưu hóa hiệu quả và giảm thiểu chi phí sản xuất.
- Chấp hành quy định của Luật doanh nghiệp, Luật bảo vệ môi trường... và theo dõi tình hình biến động của thị trường để có phương án ứng phó kịp thời.



5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

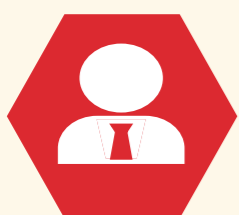
THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	15/05/2015
2	Nguyễn Bá Thuỳên	Thành viên HĐQT	27/04/2017
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	27/04/2017



ÔNG NGUYỄN CÔNG LÝ - CHỦ TỊCH HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 5.720.000 cổ phiếu – Tỷ lệ 21,01%VĐL



ÔNG NGUYỄN BÁ THUỖYÊN - THÀNH VIÊN HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: không có



BÀ NGUYỄN THỊ MAI THẢO - THÀNH VIÊN HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không có
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.800.000 cổ phiếu – Tỷ lệ 10,29% VĐL

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện triển khai kịp thời và có hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT và của Đại hội cổ đông, thường xuyên báo cáo, trao đổi, xin ý kiến hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý. Triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT;
- Việc giám sát của HĐQT được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ của Công ty, hướng hoạt động của Công ty phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, của đối tác và của người lao động.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham gia	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%
2	Nguyễn Bá Thuỳên	Thành viên HĐQT	3/3	100%
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	3/3	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	05/04/2022	Hoãn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 do dịch Covid
2	02/2022/NQ-HĐQT	05/04/2022	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 20/05/2022
3	03/2022/NQ-HĐQT	14/04/2022	Điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: không có



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Thuỳ Vy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên Ban kiểm soát

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham gia	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thuỳ Vy	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên BKS	2/2	100%
3	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên BKS	2/2	100%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đối với Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám Đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.

Đối với Ban điều hành

- Ban Tổng Giám Đốc đã thực thi tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ quy chế, quy định nội bộ.
- Các quy chế hoạt động Công ty đã được Ban Tổng Giám Đốc thực hiện tốt, đảm bảo tốt hơn tính kế hoạch và tính hệ thống của hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Chủ động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và năm theo đúng kế hoạch đã đề ra và đồng bộ từ các bộ phận quản lý đến các phòng, ban, xưởng sản xuất. Kịp thời đưa ra các giải pháp tiết kiệm chi phí, quản lý hiệu quả sản xuất trong từng giai đoạn.
- Ban Tổng Giám Đốc thực thi nghiêm ngặt các quy định về quản lý tài chính, sử dụng linh hoạt nguồn vốn của Công ty và thực hiện vận hành máy móc, trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động cho người lao động.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đvt: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	-
2	Nguyễn Bá Thuỳên	Thành viên HĐQT	-
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	-
Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Thuỳ Vy	Trưởng BKS	-
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên BKS	-
3	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên BKS	-
Ban Tổng Giám đốc			
1	Lê Thân	Tổng Giám đốc	372.788.894
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	490.906.488
3	Lê Thị Thắm	Phó Giám đốc	229.936.108
4	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	166.866.734
5	Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	450.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	-	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.339.281.950
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	-	Mua nguyên vật liệu	23.439.526.457

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT, BKS, Ban TGD, người lao động Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các Sở, Ban ngành.

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẮM LỘP -
VẬT LIỆU
XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=BIÊN HÒA, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=, MST:3600475018
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-03-31 19:15:44
PDF Reader Version: 9.7.0

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 383 6130
- Fax : +84 (0251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Vy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019
Ông Lê Chung Chính ⁽¹⁾	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022
Bà Lê Thị Thắm	Phó Giám đốc quản lý chất lượng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2020

⁽¹⁾ Ông Lê Trung Chính được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tắm Lợp theo Quyết định số 063/CTTL-TCHC ngày 13 tháng 9 năm 2013, tuy nhiên Ông đã nghỉ việc. Đến ngày 01 tháng 5 năm 2022 Ông quay trở lại và giữ chức vụ Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tắm Lợp.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
 Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No 13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
 Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 1.0905/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tắm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tài ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động kinh doanh của Công ty đã lỗ 77.594.491.254 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 688.821.040.898 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 317.153.116.497 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 768.420.900.125 VND (xem thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Những điều kiện này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đang lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá xem việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc có phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chi Dũng
 Thành viên Ban Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1
 Người được ủy quyền

Võ Trí Phương
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4697-2019-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314.103.861.035	277.613.607.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.975.471.492	8.027.929.960
1. Tiền	111	V.1	2.975.471.492	8.027.929.960
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		296.212.208.434	248.473.610.868
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	293.899.775.474	244.712.598.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.441.585.362	3.451.986.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	463.834.686	465.486.368
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(592.987.088)	(156.460.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.853.043.600	21.103.802.361
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.853.043.600	21.103.802.361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.137.509	8.264.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.137.509	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	8.264.697
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		451.267.783.628	483.294.317.646
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		451.183.310.902	483.294.317.646
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	444.835.983.165	476.705.283.797
- Nguyên giá	222		1.068.719.658.598	1.068.719.658.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(623.883.675.433)	(592.014.374.801)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.347.327.737	6.589.033.849
- Nguyên giá	228		9.667.346.689	9.667.346.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.320.018.952)	(3.078.312.840)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.472.726	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		84.472.726	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		765.371.644.663	760.907.925.532



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.082.524.761.160	1.000.466.550.775
I. Nợ ngắn hạn	310		1.082.524.761.160	1.000.417.530.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	47.477.181.441	36.021.700.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.432.594	36.322.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.185.508.743	1.949.231.009
4. Phải trả người lao động	314	V.13	2.688.434.729	2.492.332.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.091.945.650	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	569.362.343.397	495.735.029.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	460.657.270.145	464.157.270.145
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.644.461	25.644.461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	49.020.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	49.020.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

C.T. LỢI VẬN CHỈ NHẠC

C.T. C.P. ĐỒNG NAI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(317.153.116.497)	(239.558.625.243)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(317.153.116.497)	(239.558.625.243)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	22.694.204.001	22.694.204.001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	(688.821.040.898)	(611.226.549.644)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(611.226.549.644)	(611.226.549.644)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(77.594.491.254)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		765.371.644.663	760.907.925.532

Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023

 Lê Phan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	196.062.843.085	192.307.556.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.361.311.855	4.970.670.272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191.701.531.230	187.336.886.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	186.541.559.591	160.767.025.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.159.971.639	26.569.860.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.020.904	10.887.601
7. Chi phí tài chính	22		73.473.555.946	66.481.383.786
Trong đó: chi phí lãi vay	23		73.473.555.946	66.481.383.786
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	346.439.306	269.705.983
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.897.902.678	5.909.052.932
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(75.548.905.387)	(46.079.394.109)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	23.045.074	207.532.464
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.068.630.941	165.327.467
13. Lợi nhuận khác	40		(2.045.585.867)	42.204.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	(2.850)	(1.691)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	(2.850)	(1.691)

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	32.111.006.744	33.868.277.132
- Các khoản dự phòng	03	V.5	436.527.088	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		73.473.555.946	66.481.383.786
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.426.598.524	54.312.471.806
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.166.859.957)	(46.657.824.525)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.250.758.761	(4.137.797.330)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.193.157.119	(577.971.431)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(147.610.235)	1.022.845.959
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.443.955.788)	3.961.724.479
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(108.502.680)	(108.502.680)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(108.502.680)	(108.502.680)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(3.500.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.052.458.468)	3.853.221.799
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.027.929.960	4.174.708.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.975.471.492	8.027.929.960

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tầm lốp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm doanh thu của Công ty tăng, tuy nhiên lợi nhuận của Công ty giảm so với năm trước nguyên nhân chính là do chi phí lương nhân viên và chi phí nguyên vật liệu gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh tăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 158 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 172 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

360
C
T
Đ
N

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

M.S.D.N.

11/01/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa phát sinh một lần giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

0300
 C
 RÁCH
 HỀM T
 A
 BINH
 750
 G TY
 H AN
 L O P
 X AY D
 G NA
 T.T.B

14987
 ONG T
 HIỆM H
 AN VẬT
 & C
 T.P.H
 /
 UN
 T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

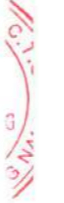
Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	26.253.622	377.021.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.949.217.870	7.650.908.030
Cộng	2.975.471.492	8.027.929.960

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh (là bên liên quan)	291.986.939.985	242.536.366.251
Phải thu các khách hàng khác	1.912.835.489	2.176.231.858
Cộng	293.899.775.474	244.712.598.109

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
FM Trading Company Limited	-	1.190.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dân Cường	314.955.000	65.670.000
Các nhà cung cấp khác	926.630.362	996.316.391
Cộng	2.441.585.362	3.451.986.391

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	402.462.420	-	192.180.191	-
Ký quỹ ngắn hạn	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30.072.266	-	242.006.177	-
Cộng	463.834.686	-	465.486.368	-

5. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		223.426.008.519	223.426.008.519		170.253.570.792	170.253.570.792
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	77.446.034.670	77.446.034.670	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	70.348.438.011	70.348.438.011
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	123.110.446.921	123.110.446.921	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	99.905.132.781	99.905.132.781
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	22.869.526.928	22.869.526.928			
Các tổ chức và cá nhân khác		3.211.800.219	2.618.813.132		3.652.217.630	3.495.757.630
Phải thu khách hàng khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	417.925	292.548	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	401.170.072	401.170.072
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	291.170.072	291.170.072	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	699.846.899	699.846.899
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	409.846.899	409.846.899	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	180.000.002	180.000.002
	Trên 03 năm	176.254.319	159.648.109	Trên 03 năm	301.254.317	301.254.317



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	7.717.486.791	5.688.872.455
Công ty TNHH Khoáng sản Minh Tiến	7.588.763.603	3.185.739.317
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	- 4.832.100.000	4.832.100.000
Công ty TNHH Thương mại Thái Sơn	2.722.647.300	3.531.374.000
Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	-	4.790.593.246
Các nhà cung cấp khác	24.616.183.747	13.993.021.582
Cộng	47.477.181.441	36.021.700.600

Trong đó, khoản phải trả về mua sắm tài sản cố định là 0 VND (số đầu năm là 108.502.680 VND).

Công ty có các khoản phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	2.832.937.292	2.832.937.292
Cộng	7.665.037.292	7.665.037.292

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.949.231.009	-	4.802.975.553	(5.597.484.314)	1.154.722.248	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.264.697	58.796.457	(26.878.929)	23.652.831	-
Thuế tài nguyên	-	-	178.491.642	(171.357.978)	7.133.664	-
Thuế môn bài	-	-	43.626.978	(43.626.978)	-	-
Cộng	1.949.231.009	8.264.697	5.083.890.630	(5.839.348.199)	1.185.508.743	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	:	5%
- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	:	10%

Riêng từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số hàng hoá, dịch vụ được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	66.804.520.331	50.277.700.480
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(10.789.970.923)	4.240.511.368
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(4.240.511.368)
Thu nhập tính thuế	(10.789.970.923)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và khoản lỗ được chuyển trong năm 2021 đã được Cục thuế tỉnh Đồng Nai kiểm tra, tính toán và xác nhận theo Quyết định số 2045/QĐ-CTDON ngày 06 tháng 9 năm 2022.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt	:	3%
- Sử dụng nước dưới đất	:	8%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 10, 11, 12 và tiền thưởng năm 2022 phải trả người lao động.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – lãi vay phải trả ⁽¹⁾	540.875.107.075	467.401.551.129
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Kinh phí công đoàn	94.752.495	38.158.815
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	245.196.426	162.877.767
Các khoản nhận ký quỹ	69.020.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	814.981.726	849.155.813
Cộng	569.362.343.397	495.735.029.199

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Theo thông báo số dư khoản tiền vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, số dư lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 550.726.362.983 VND. Nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu của Ngân hàng và số liệu ghi nhận của Công ty là do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã điều chỉnh tăng lãi suất cho vay từ 10% lên 10,5%/năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 theo Thông báo lãi cho vay dài hạn số 747/CN TP.HCM-KHDNL ngày 01 tháng 9 năm 2016. Ngày 14 tháng 8 năm 2019 Công ty đã có Công văn số 18/CV2019-DONAC gửi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh yêu cầu kiểm tra và xác nhận lại lãi suất và lãi vay phải trả. Đến nay Công ty vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về yêu cầu này. Hiện Công ty chỉ trích trước chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo lãi suất 10%/năm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 10,5%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến nay.

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

15. Vay ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thành ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

Số đầu năm	464.157.270.145
Số tiền vay đã trả	(3.500.000.000)
Số cuối năm	460.657.270.145

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã quá hạn thanh toán trên 01 năm do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	
				chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(565.189.360.532)	(193.521.436.131)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(46.037.189.112)	(46.037.189.112)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(611.226.549.644)	(239.558.625.243)
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(611.226.549.644)	(239.558.625.243)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(77.594.491.254)	(77.594.491.254)
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(688.821.040.898)	(317.153.116.497)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	37.148.600.000	37.148.600.000
Các cổ đông khác	143.864.210.000	143.864.210.000
Cộng	272.236.470.000	272.236.470.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

17a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.947.214.093	1.796.710.967
Trên 01 năm đến 05 năm	7.788.856.372	7.186.843.867
Trên 05 năm	47.219.941.756	44.386.412.972
Cộng	56.956.012.221	53.369.967.806

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất với diện tích 90.024,6 m² và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 9.037 VND/m²/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 31 tháng 12 năm 2025). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến từ ngày 12 tháng 4 năm 2051.

17b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận gia công của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành là bên liên quan như sau:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Clinker	Tấn	12.855,03	23.644,93
Đá vôi	Tấn	657,57	396,53
Vỏ bao xi măng	Cái	109.322,00	238.478,00
Xi lò cao	Tấn	43,54	895,98



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,30	374,30

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán tấm lợp	71.694.458.154	68.531.037.000
Doanh thu gia công xi măng	121.339.281.950	119.707.827.150
Doanh thu bán thành phẩm khác	1.077.247.694	139.327.274
Doanh thu khác	1.951.855.287	3.929.365.545
Cộng	196.062.843.085	192.307.556.969

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Công ty có các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gia công xi măng	121.339.281.950	119.707.827.150
Doanh thu cho thuê xe	109.090.908	-
Doanh thu vận chuyển	-	1.192.031.220

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp	49.058.400.599	40.177.822.298
Giá vốn gia công xi măng	136.104.827.527	119.918.774.886
Giá vốn thành phẩm khác	-	652.872.099
Giá vốn khác	1.378.331.465	17.556.423
Cộng	186.541.559.591	160.767.025.706

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	108.723.490	92.926.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.327.628	59.327.628
Các chi phí khác	178.388.188	117.451.402
Cộng	346.439.306	269.705.983

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.774.314.932	3.330.380.868
Chi phí vật liệu, bao bì	35.106.527	49.100.280
Chi phí đồ dung văn phòng	8.009.080	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.116.160	375.975.532
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	436.527.088	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	848.161.161	353.105.393
Chi phí quản lý ở Nhơn Trạch	1.034.633.528	1.074.917.926
Chi phí khác	538.034.202	725.572.933
Cộng	6.897.902.678	5.909.052.932

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	22.966.459	25.002.466
Thu nhập khác	78.615	182.529.998
Cộng	23.045.074	207.532.464

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.320.975.486	154.523.160
Chi phí khác	747.655.455	10.804.307
Cộng	2.068.630.941	165.327.467

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu

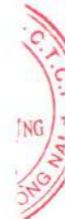
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(77.594.491.254)	(46.037.189.112)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.850)	(1.691)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.900.512.338	69.347.859.334
Chi phí nhân công	16.859.854.102	15.028.173.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.111.006.744	33.868.277.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.626.400.289	48.698.327.465
Chi phí khác	6.186.976.509	2.238.088.831
Cộng	190.684.749.982	169.180.726.435



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc	372.788.894	290.883.105
Ông Nguyễn Văn Quý – Phó Tổng Giám đốc	490.906.488	351.846.153
Bà Lê Thị Thắm – Phó Giám đốc	229.936.108	138.371.586
Bà Trần Thị Mộng Thu – Phó Giám đốc thường trực	166.866.734	164.886.715
Ông Lê Trung Chính – Phó Giám đốc	450.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Hiến – Giám đốc Sản xuất	-	122.770.849
Cộng	1.710.498.224	1.068.758.408

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Giao dịch với bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về mua nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với số tiền là 23.439.526.457 VND (năm trước là 28.086.065.696 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất tấm lợp	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	67.333.146.299	121.339.281.950	3.029.102.981	191.701.531.230
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.333.146.299	121.339.281.950	3.029.102.981	191.701.531.230
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.372.715.670	(18.048.529.903)	1.591.443.888	(2.084.370.345)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.084.370.345)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.020.904
Doanh thu hoạt động tài chính				(73.473.555.946)
Chi phí tài chính				23.045.074
Thu nhập khác				(2.068.630.941)
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(77.594.491.254)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	704.983.420	31.189.261.879	216.761.445	32.111.006.744
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	157.477.500	279.049.588		436.527.088
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63.560.366.728	119.707.827.150	4.068.692.819	187.336.886.697
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.560.366.728	119.707.827.150	4.068.692.819	187.336.886.697
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.072.875.890	(2.927.783.530)	3.246.009.716	20.391.102.076
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.391.102.076
Doanh thu hoạt động tài chính				10.887.601
Chi phí tài chính				(66.481.383.786)

00449
 CÔNG
 CH NHỊỆ
 TỐÁN Y
 A 8
 NG T
 PH
 M L
 ẾU X
 ỜNG
 HOA



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất tầm lợi	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Thu nhập khác				207.532.464
Chi phí khác				(165.327.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(46.037.189.112)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.041.057.481	33.595.550.638	254.514.972	34.891.123.091
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất tầm lợi	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.520.197.869	728.549.626.880	24.326.348.421	762.396.173.171
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				2.975.471.492
Tổng tài sản				765.371.644.663
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.425.995.421	1.050.524.072.742	893.209.610	1.065.843.277.773
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				16.681.483.387
Tổng nợ phải trả				1.082.524.761.160
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.328.424.253	734.971.000.139	3.572.306.483	752.871.730.875
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				8.036.194.657
Tổng tài sản				760.907.925.532
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	12.798.508.121	977.389.622.791	400.041.674	990.588.172.586
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				9.878.378.189
Tổng nợ phải trả				1.000.466.550.775

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động kinh doanh của Công ty đã lỗ 77.594.491.254 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 688.821.040.898 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 317.153.116.497 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 768.420.900.125 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng sẽ được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Trần Thị hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập

Lê Thân
Tổng Giám đốc



315 - C.T.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẮM LỢP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

H.H.H.

C.T.P.
ĐỒNG NAI



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

-  KCN Biên Hòa I, đường 4, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
-  (0251) 383 6130
-  www.DONAC.net

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

